

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sử Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Sử Thị L và ông Trương Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Trương Văn T và bà Sử Thị L thống nhất giao con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 07/11/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở khi ông T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Ông T và bà L có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 75m², thửa đất số 92, tờ bản đồ số 29, giấy chứng nhận số CE 983613, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/12/2016, chỉnh lý biến động sang tên cho bà Sử Thị L ngày 21/02/2017. Ông T và bà L thống nhất giao tài sản là quyền sử dụng trên cho bà L được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do hòa giải thành nên bà Sử Thị L và ông Trương Văn T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Sử Thị L tự nguyện nộp thay cho ông Trương Văn T, khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002549 ngày 07/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T và bà L thống nhất tài sản là thửa đất nêu trên có giá trị 700.000.000 đồng, đồng ý lấy mức giá này tính án phí, không cần định giá. Bà L được chia toàn bộ tài sản nên án phí bà L phải chịu là $\{20.000.000đ + (300.000.000 \text{ đồng} \times 4\%)\} : 50\% = 16.000.000 \text{ đồng}$ (Mười sáu triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Trương Văn T số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002776 ngày 27/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Út Mẫn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **36/2018/QĐST-DS**

Tân Hiệp, ngày 18 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 09 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 96/ 2018/TLST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Đình Tuấn** - sinh năm 1961

Trú tại: ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:* Ông **Trần Văn Hùng** - sinh năm 1963

Bà **Phạm Thanh Phỉ** - sinh năm 1968

Cùng trú tại: số 723, tổ 02, ấp Đá Nổi A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nợ: Vợ chồng ông Trần Văn Hùng và bà Phạm Thanh Phỉ thống nhất, thừa nhận và đồng ý tự nguyện trả cho ông Đỗ Đình Tuấn số tiền còn thiếu nợ của

ông Đỗ Đình Tuấn là 165.945.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng); thời gian tính lãi từ ngày 30/04/2016 đến ngày 09/08/2018 là 27 tháng 09 ngày, tính tròn 27 tháng; số lãi là $138.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 27 \text{ tháng} = 27.945.00đ$ (Hai mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2.2. Về thời gian và phương thức thanh toán nợ các bên thỏa thuận, thống nhất như sau: Hai bên, ông Đỗ Đình Tuấn và vợ chồng ông Trần Văn Hùng và bà Phạm Thanh Phi thỏa thuận ngày trả nợ từng lần, phải thanh toán cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 28/02/2019 trả 33.189.000đ (Ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Lần 2: Ngày 30/6/2019 trả 33.189.000đ (Ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Lần 3: Ngày 30/09/2019 trả 33.189.000đ (Ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Lần 4: Ngày 28/02/2020 trả 33.189.000đ (Ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Lần 5: Ngày 30/6/2020 trả 33.189.000đ (Ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng). Là dứt nợ

Trường hợp đến hạn thanh toán của những lần phải thanh toán mà vợ chồng ông Trần Văn Hùng và bà Phạm Thanh Phi vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì ông Đỗ Đình Tuấn có quyền yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Hùng và bà Phạm Thanh Phi phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của những lần phải thanh toán tiếp theo sau đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. **Về án phí DSST:** Số tiền 165.945.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); án phí là: $165.945.000đ \times 5\% \times 50\% = 4.148.625đ$, làm tròn số là 4.148.000đ (Bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Hai bên thỏa thuận như sau:

- +Vợ chồng ông Trần Văn Hùng và bà Phạm Thanh Phi nộp hết số tiền án phí là 4.148.000đ (Bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- + Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đỗ Đình Tuấn số tiền là 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007937 ngày 17/4/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Bá Kha